

Số: 15/2022/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 12 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 7 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã

hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Thực hiện Kết luận số 217-KL/TU ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Thường trực Tỉnh ủy Phiên thứ 16/2022;

Xét Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 43/BC-HĐND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ban dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Ủy ban Dân tộc, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, UBND, Đoàn ĐBQH, BTTUBMTTQ tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐV, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *Phu*



Huỳnh Thị Hằng



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước” (sau đây viết tắt là *Chương trình*) áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện); UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ nguyên tắc phân bổ được quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách Nhà nước và các quy định liên quan.

3. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và các địa phương, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là vùng khó khăn.

5. Việc phân bổ cụ thể ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách Nhà nước và phải đảm bảo theo quy định; mục tiêu, nhiệm vụ; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn khó khăn, giải quyết các vấn đề bức xúc nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn; phân bổ vốn đầu tư Chương trình bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

6. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

Điều 4. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, ngân sách địa phương hằng năm bố trí đối ứng tối thiểu bằng 15% trên tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình (trong đó, ngân sách tỉnh hằng năm bố trí đối ứng tối thiểu là 10%, ngân sách cấp huyện hằng năm bố trí đối ứng tối thiểu là 5%).

2. Thực hiện tích hợp, lồng ghép các nội dung chính sách để triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu của Chương trình.

Chương II TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN BỐ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 5. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách Nhà nước

Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng của ngân sách địa phương (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho các sở, ngành và địa phương thực hiện Chương trình được quy định chi tiết theo công thức chung như sau:

Phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ của địa phương (k) theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần (i):

$$V_{k,i} = Q_i \cdot X_{k,i}$$

Trong đó:

- i : là dự án, tiểu dự án, nội dung thứ i .
- k : là địa phương thứ k .
- $V_{k,i}$: Vốn phân bổ của dự án, tiểu dự án, nội dung thứ i cho địa phương thứ k .
- $X_{k,i}$: Số điểm dự án, tiểu dự án, nội dung thứ i của địa phương thứ k .
- Q_i : Vốn định mức cho 01 điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án, nội dung thứ i .

$$Q_i = G_i / \sum_i^n X_{k,i}$$

- G_i : Vốn ngân sách để phân bổ cho dự án, tiểu dự án, nội dung thứ i .

Điều 6. Nội dung tiêu chí, số điểm áp dụng phân bổ nguồn vốn cụ thể thuộc 10 dự án thành phần của Chương trình gồm:

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

a) Vốn đầu tư: Phân bổ vốn cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 01 hộ được hỗ trợ đất ở	0,4	a	0,4 x a
2	Cứ 01 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	b	0,4 x b
3	Cứ 01 hộ được hỗ trợ đất sản xuất	0,225	c	0,225 x c
4	Cứ 01 công trình nước sinh hoạt tập trung	30	d	30 x d
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

b) Vốn sự nghiệp: Phân bổ vốn cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 01 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề	0,1	a	0,1 x a
2	Cứ 01 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	b	0,03 x b
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

a) Vốn đầu tư: Phân bổ vốn cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng được tính 10 điểm	10	a	$10 \times a$
2	Dự án có quy mô trên 01 tỷ đồng, cứ tăng thêm vốn đầu tư 100 triệu đồng được tính thêm 01 điểm	01	b	$01 \times b$
3	Mỗi dự án ở xã biên giới được tính thêm 05 điểm	05	c	$05 \times c$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

b) Vốn sự nghiệp: Phân bổ vốn cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng được tính 0,1 điểm; phần còn lại cứ tăng thêm vốn sự nghiệp 10 triệu đồng được tính thêm	0,1	a	$0,1 \times a$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các địa phương để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

a) Vốn đầu tư: Không.

b) Vốn sự nghiệp: Phân bổ cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng (ha)	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ	0,004	a	$0,004 \times a$
2	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình	0,004	b	$0,004 \times b$
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung	0,016	c	$0,016 \times c$
4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ	0,1	d	$0,1 \times d$
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ	0,3	đ	$0,3 \times đ$
6	Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ	0,12	e	$0,12 \times e$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

3.2. Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3.2.1. Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

3.2.2. Nội dung 2: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý (nếu có). Phân bổ 100% tổng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp của nội dung 2 cho cấp huyện để thực hiện.

3.2.3. Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Vốn đầu tư: Không

b) Vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành 20% tổng số vốn của Nội dung 1 và Nội dung 3 (Ban Dân tộc, Sở Công thương, Liên minh Hợp tác xã, Hội Nông dân).

- Phân bổ cho cấp huyện 80% tổng số vốn của Nội dung 1 và Nội dung 3, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

+ Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	28	a	28 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III	5	b	5 x b
3	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	c	0,15 x c
Tổng cộng điểm				X_{k,i}

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Vốn đầu tư: Phân bổ cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	100	a	100 x a
2	Xã an toàn khu (ATK) thuộc khu vực II, I (<i>xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới</i>)	90	b	90 x b
3	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK	10	c	10 x c
4	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III	15	d	15 x d
5	Cứ 01 km cứng hóa đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	16	e	16 x e
6	Cứ xây mới 01 trạm y tế xã	40	f	40 x f
7	Cứ cải tạo sửa chữa 01 trạm y tế xã	8	g	8 x g
8	Cứ xây mới 01 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	44	h	44 x h

9	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	8	i	$8 \times i$
10	Mỗi công trình giao thông mở mới đường giao thông liên xã	3.430	k	$3.430 \times k$
11	Mỗi công trình cầu giao thông kết nối các xã biên giới, xã khu vực III, thôn ĐBKK	500	l	$500 \times l$
12	Mỗi công trình hạ tầng lưới điện cho các xã biên giới, xã khu vực III, thôn ĐBKK	1.000	m	$1.000 \times m$
13	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	n	$0,3 \times n$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

b) Vốn sự nghiệp: Phân bổ cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	9	a	$9 \times a$
2	Xã ATK thuộc khu vực II, I	8	b	$8 \times b$
3	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III	1,8	c	$1,8 \times c$
4	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế xây mới và cải tạo	2,5	d	$2,5 \times d$
5	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,03	e	$0,03 \times 3$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

5.1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

a) Vốn đầu tư: Phân bổ cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi phòng công vụ giáo viên bổ sung, nâng cấp	1,446	a	1,446 x a
2	Mỗi phòng ở cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	b	1,446 x b
3	Mỗi phòng quản lý cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	c	1,446 x c
4	Mỗi nhà ăn + nhà bếp bổ sung, nâng cấp	5,784	d	5,784 x d
5	Mỗi nhà kho chứa lương thực bổ sung, nâng cấp	4,5	đ	4,5 x đ
6	Mỗi công trình vệ sinh, nước sạch bổ sung, nâng cấp	4,5	e	4,5 x e
7	Mỗi nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc bổ sung, nâng cấp	4,5	g	4,5 x g
8	Mỗi phòng học thông thường và phòng học bộ môn bổ sung, nâng cấp	3,759	h	3,759 x h
9	Mỗi công trình phụ trợ khác (sân chơi, bãi tập, vườn ươm cây...) bổ sung, nâng cấp	2	k	2 x k
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

b) Vốn sự nghiệp: Phân bổ cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi người học xóa mù chữ	0,5	a	0,5 x a
2	Mỗi lớp học xóa mù chữ	10	b	10 x b
3	Mỗi bộ tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng phẩm phát cho người học	0,05	c	0,05 x c
4	Mỗi đơn vị mua sắm trang thiết bị	500	d	500 x d
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

5.2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5.2.1 Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc.

a) Vốn đầu tư: không.

b) Vốn sự nghiệp: Phân bổ 100% vốn thực hiện cho Ban Dân tộc tỉnh.

5.2.2. Nội dung 2: Đào tạo dự bị đại học, đại học, sau đại học (*Cấp tỉnh không thực hiện, hỗ trợ kinh phí cho các trường, cơ sở đào tạo dự bị đại học có tên tại phụ lục số 5 kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg*).

a) Vốn đầu tư: không.

b) Vốn sự nghiệp: Phân bổ 100% vốn thực hiện cho Sở Giáo dục và Đào tạo (nếu có).

5.3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Vốn đầu tư: Không.

b) Vốn sự nghiệp:

- Phân bổ 20% nguồn vốn cho các sở, ngành tỉnh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Nông dân).

- Phân bổ 80% cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	$0,035 \times a$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

5.4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

a) Vốn đầu tư: không.

b) Vốn sự nghiệp:

- Phân bổ 50% nguồn vốn cho Ban Dân tộc tỉnh.

- Phân bổ 50% nguồn vốn cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)	15	a	15 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã ngoài khu vực III)	1,5	b	1,2 x b
	Tổng cộng điểm	-	-	X_{k,i}

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

a) Vốn đầu tư:

- Phân bổ 20% nguồn vốn dự án cho các sở, ngành tỉnh (Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ban Dân tộc)

- Phân bổ 80% nguồn vốn dự án cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu	7	a	7 x a
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một thôn, ấp văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	60	b	60 x b
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2	c	2 x c
4	Hỗ trợ xây dựng mỗi một mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch	60	d	60 x d
5	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	60	e	60 x e
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

b) Vốn sự nghiệp:

- Phân bổ 20% vốn cho các sở, ngành tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Dân tộc).

- Phân bổ vốn cho cấp huyện 80% vốn của dự án, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống cho mỗi dân tộc có khó khăn	50	a	50 x a
2	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cho mỗi tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10	b	5 x b
3	Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hóa phi vật thể (mỗi lễ hội; mỗi mô hình văn hóa truyền thống; mỗi dự án nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn; mỗi làng văn hóa truyền thống; mỗi chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hóa truyền thống văn hóa các dân tộc thiểu số...)	3,5	c	3,5 x c
4	Hỗ trợ mỗi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận	0,6	d	0,6 x d
5	Tổ chức mỗi lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ (mỗi lớp tập huấn; mỗi câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian...)	2	e	2 x e
6	Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đội văn nghệ truyền thống	0,5	g	0,5 x g
7	Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số	20	h	20 x h
8	Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	10	i	10 x i

9	Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số	3	k	$3 \times k$
10	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,3	l	$0,3 \times l$
11	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hóa tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,3	m	$0,3 \times m$
12	Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	5	n	$5 \times n$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

a) Vốn đầu tư: Không.

b) Vốn sự nghiệp:

- Phân bổ 20% nguồn vốn cho các sở, ngành tỉnh (Sở Y tế, Ban Dân tộc, Sở Lao động - Thương binh và xã hội).

- Phân bổ 80% vốn dự án cho cấp huyện, áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	50	a	$50 \times a$
2	Mỗi xã khu vực II	30	b	$30 \times b$
3	Mỗi xã khu vực I	15	c	$15 \times c$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

8. Dự án 8: Thực hiện Bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

a) Vốn đầu tư: Không.

b) Vốn sự nghiệp:

- Phân bổ 20% tổng vốn thực hiện dự án cho các sở, ngành tỉnh (Ban Dân tộc, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Phân bổ 80% vốn dự án cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I	10	a	10 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III	2	b	2 x b
3	Mỗi xã ĐBKK là xã biên giới được tính thêm	1	c	1 x c
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù

9.1. Tiểu Dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù.

a) Vốn đầu tư: Không.

b) Vốn sự nghiệp: Phân bổ cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù thuộc địa bàn đầu tư	0,15	a	0,15 x a
2	Mỗi thôn có dân tộc thiểu số còn khó khăn, có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng thuộc diện đầu tư	19	b	19 x b
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

9.2. Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Vốn đầu tư: Không.

b) Vốn sự nghiệp:

- Phân bổ 30% tổng vốn tiểu dự án cho Ban Dân tộc.
- Phân bổ 70% nguồn vốn thực hiện tiểu dự án cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi tỷ lệ % tảo hôn + Tỷ lệ % hôn nhân cận huyết thống	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b
3	Mỗi xã khu vực II	1,5	c	1,5 x c
4	Mỗi xã khu vực III	3	d	3 x d
5	Mỗi mô hình được thực hiện (<i>tính không quá 20% tổng số xã khu vực III, khu vực II của huyện</i>)	2	đ	2 x đ
Tổng cộng điểm				X_{k,i}

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình

10.1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

a) Vốn đầu tư: Không.

b) Vốn sự nghiệp:

- Phân bổ 65% nguồn vốn cho các sở, ngành tỉnh (Ban Dân tộc, Sở Thông tin Truyền thông, Sở Tư pháp).

- Phân bổ 35% tổng nguồn vốn cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	27	a	27 x a
Tổng cộng điểm				X_{k,i}

10.2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Vốn đầu tư:

- Phân bổ tối thiểu 30% tổng vốn cho các cơ quan cấp tỉnh (Ban Dân tộc, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Tỉnh đoàn).

- Phân bổ tối đa 70% vốn cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

b) Vốn sự nghiệp:

- Phân bổ tối đa 67% tổng vốn cho các sở, ngành tỉnh (Ban Dân tộc, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông).

- Phân bổ tối thiểu 33% vốn cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

10.3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

a) Vốn đầu tư: Không.

b) Vốn sự nghiệp:

- Phân bổ tối thiểu 55% tổng vốn thực hiện cho các sở, ngành tỉnh (gồm: Ban Dân tộc, Sở Giáo dục Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở

Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Sở Công Thương, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Liên minh Hợp tác xã).

- Phân bổ tối đa 45% vốn cho cấp huyện, áp dụng nội dung, tiêu chí tính điểm như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$